

Số: 1563 /HD-UBTVQH15

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2026

HƯỚNG DẪN**Một số nội dung về việc tổ chức kỳ họp thứ nhất
của Hội đồng nhân dân các cấp**

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Nghị quyết số 103/2025/UBTVQH15 ban hành Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố và Nghị quyết số 104/2025/UBTVQH15 ban hành Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp như sau:

1. Thời gian tiến hành kỳ họp thứ nhất

Thời gian tiến hành kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể: “Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới được tổ chức chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; đối với địa phương có bầu cử lại, bầu cử thêm đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc lùi ngày bầu cử thì thời hạn tổ chức kỳ họp thứ nhất được tính từ ngày bầu cử lại, bầu cử thêm hoặc bầu cử mới”.

2. Việc triệu tập và chủ tọa kỳ họp thứ nhất

a) Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp do Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp khóa trước triệu tập. Trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định 01 triệu tập viên, khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ định 01 triệu tập viên để triệu tập kỳ họp.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết về việc chỉ định triệu tập viên.

b) Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa trước chủ tọa kỳ họp, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân khóa trước phân công một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân chủ tọa kỳ họp. Trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân thì triệu tập viên đã được chỉ định làm chủ tọa kỳ họp.

Chủ tọa kỳ họp tiến hành khai mạc và chủ trì các phiên họp của Hội đồng nhân dân cho đến khi bầu ra được Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa mới. Chủ tọa kỳ họp có thể phân công người điều hành nội dung phiên họp.

c) Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính mới hình thành sau khi nhập, chia đơn vị hành chính cùng cấp được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 44 và khoản 4 Điều 45 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Chương trình làm việc tại kỳ họp thứ nhất

a) Thường trực Hội đồng nhân dân khóa trước hoặc triệu tập viên có trách nhiệm chuẩn bị dự kiến chương trình kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân khóa mới xem xét, quyết định.

Dự kiến chương trình kỳ họp được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân cùng với quyết định triệu tập kỳ họp thứ nhất chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

b) Căn cứ vào thời gian tổ chức kỳ họp, thời gian triệu tập kỳ họp và tình hình thực tế của địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân khóa trước hoặc triệu tập viên quyết định việc tổ chức họp với các cơ quan hữu quan về chuẩn bị nội dung kỳ họp. Trước phiên khai mạc, Hội đồng nhân dân tổ chức họp phiên trừ bị (nếu có) để xem xét, thông qua chương trình kỳ họp và một số nội dung khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc triệu tập viên. Thời gian, chương trình, nội dung, thành phần tham dự phiên họp trừ bị do Thường trực Hội đồng nhân dân khóa trước hoặc triệu tập viên quyết định.

c) Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân tiến hành các công việc theo trình tự sau đây:

- Khai mạc, thông qua chương trình kỳ họp:
- + Chào cờ, cử Quốc ca;
- + Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự kỳ họp;
- + Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân khóa trước hoặc triệu tập viên báo cáo về dự kiến chương trình kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân;
- + Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua chương trình kỳ họp;
- + Chủ tọa khai mạc kỳ họp.
- Hội đồng nhân dân nghe Ủy ban bầu cử cùng cấp báo cáo kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và báo cáo kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân.
- Chủ tọa kỳ họp mời đại diện lãnh đạo cấp ủy Đảng cùng cấp phát biểu.
- Hội đồng nhân dân tiến hành bầu các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, thành lập Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân theo trình tự quy định tại mục 5 và mục 6 của Hướng dẫn này.
- Hội đồng nhân dân nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp báo cáo tổng hợp những ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương trong cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân và một số nội dung khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân nếu xét thấy cần thiết.

- Bế mạc kỳ họp:

+ Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa mới bế mạc kỳ họp;

+ Chào cờ, cử Quốc ca.

4. Cách thức quyết định các vấn đề tại kỳ họp thứ nhất

a) Hội đồng nhân dân quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc biểu quyết bằng hệ thống biểu quyết điện tử đối với các vấn đề sau đây:

- Thông qua chương trình kỳ họp hoặc điều chỉnh chương trình kỳ họp;

- Thông qua nghị quyết thành lập Ban Dân tộc (nếu có);

- Bầu Ban kiểm phiếu;

- Thông qua nghị quyết về việc bầu chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân;

- Thông qua nghị quyết về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ;

- Quyết định các nội dung khác (nếu có), trừ các nội dung quy định tại điểm b mục này.

b) Hội đồng nhân dân quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín đối với các vấn đề sau đây:

- Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy viên Ủy ban nhân dân; Hội thẩm nhân dân;

- Quyết định các vấn đề khác mà Hội đồng nhân dân xét thấy cần thiết phải bằng hình thức bỏ phiếu kín.

5. Việc bầu các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân

a) Trình tự bầu Ban kiểm phiếu, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc xác định kết quả bầu cử của Ban kiểm phiếu:

- Bầu Ban kiểm phiếu:

Chủ tọa kỳ họp giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân bầu Ban kiểm phiếu. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bầu Ban kiểm phiếu có ít nhất là 05 thành viên và cấp xã có ít nhất là 03 thành viên. Ban kiểm phiếu gồm Trưởng ban, Thư ký và Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân. Ban kiểm phiếu được bầu một lần và thực hiện việc kiểm phiếu trong tất cả các lần bỏ phiếu kín tại kỳ họp Hội đồng nhân dân. Số lượng thành viên tối đa của Ban Kiểm phiếu do Hội đồng nhân dân quyết định trên cơ sở số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân nhằm bảo đảm việc kiểm phiếu diễn ra nhanh chóng và hiệu quả.

Người có tên trong danh sách đề Hội đồng nhân dân bầu không được làm thành viên Ban kiểm phiếu. Trường hợp có thành viên Ban kiểm phiếu thuộc diện cần thay thế thì Hội đồng nhân dân quyết định việc thay thế, bổ sung thành viên Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ phổ biến, hướng dẫn thủ tục, trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu đối với các nội dung mà Hội đồng nhân dân bỏ phiếu kín. Ban kiểm phiếu kết thúc nhiệm vụ sau khi đã hoàn thành các công tác kiểm phiếu tại kỳ họp.

- Ban kiểm phiếu xác định kết quả bầu cử của Hội đồng nhân dân theo nguyên tắc sau đây:

+ Người được quá nửa số phiếu bầu hợp lệ tán thành so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân và được nhiều phiếu hơn thì trúng cử;

+ Trường hợp nhiều người được bầu vào cùng một chức vụ có số phiếu bầu hợp lệ tán thành ngang nhau và đạt quá nửa số phiếu so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân bầu lại chức vụ này trong số những người được số phiếu cao nhất ngang nhau. Trong số những người được bầu lại, người được số phiếu nhiều hơn là người trúng cử; nếu bầu lại mà vẫn được số phiếu bầu hợp lệ tán thành ngang nhau thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử.

b) Trình tự bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân:

- Bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân trong số các đại biểu Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân khóa trước hoặc theo giới thiệu của chủ tọa kỳ họp (trong trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân khóa trước) theo quy định tại Điều 36 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Chủ tọa kỳ họp đọc tờ trình giới thiệu nhân sự đề Hội đồng nhân dân bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân theo quy định tại Điều 36 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, kể cả trong trường hợp Chủ tọa kỳ họp là nhân sự được giới thiệu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Tờ trình của Chủ tọa kỳ họp do Chủ tọa ký và được đóng dấu của Hội đồng nhân dân. Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ ngay sau khi được Hội đồng nhân dân bầu và tiến hành chủ tọa kỳ họp.

- Các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ ngay sau khi được Hội đồng nhân dân bầu và điều hành phiên họp của Hội đồng nhân dân theo phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

- Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ ngay sau khi được Hội đồng nhân dân bầu.

Thường trực Hội đồng nhân dân gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân; Thường trực Hội đồng nhân dân bắt đầu thực hiện nhiệm vụ ngay sau khi Hội đồng nhân dân bầu được các chức danh nói trên.

Sau khi Hội đồng nhân dân kết thúc việc bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân phát biểu ý kiến trước Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

c) Trình tự bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân:

- Bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân theo giới thiệu của Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện nhiệm vụ ngay sau khi được Hội đồng nhân dân bầu và giới thiệu bầu Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân. Tờ trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân về việc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân phải nêu rõ lĩnh vực công tác phụ trách hoặc chức vụ tại cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân mà người đó dự kiến sẽ đảm nhiệm.

- Bầu Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân.

Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy viên Ủy ban nhân dân thực hiện nhiệm vụ ngay sau khi được Hội đồng nhân dân bầu.

Sau khi Hội đồng nhân dân kết thúc việc bầu các chức danh của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thay mặt Ủy ban nhân dân phát biểu ý kiến trước Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

d) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực theo giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh. Cơ cấu, số lượng nhân sự được giới thiệu bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

đ) Khi Hội đồng nhân dân tiến hành bầu các chức danh quy định tại các điểm b, c và d của mục này, nếu có đại biểu Hội đồng nhân dân tự ứng cử hoặc giới thiệu thêm người ứng cử ngoài danh sách đã được cơ quan, người có thẩm quyền giới thiệu thì Chủ tọa kỳ họp trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định số lượng, danh sách những người ứng cử vào chức danh đó bằng hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bằng hệ thống biểu quyết điện tử hoặc bằng bỏ phiếu kín.

e) Sau khi Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử đối với chức danh quy định tại các điểm b, c và d của mục này, Chủ tọa kỳ họp trình Hội đồng nhân dân xem xét, biểu quyết thông qua nghị quyết về việc bầu chức danh hoặc nhóm chức danh đó.

g) Trường hợp Hội đồng nhân dân không bầu được các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thì thực hiện như sau:

- Trường hợp không bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Chủ tọa kỳ họp có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện các quy trình cần thiết về nhân sự để trình Hội đồng nhân dân tiếp tục bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân ngay tại kỳ họp thứ nhất.

- Trường hợp không bầu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện các quy trình cần thiết về nhân sự đề trình Hội đồng nhân dân tiếp tục bầu chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân ngay tại kỳ họp thứ nhất.

Hội đồng nhân dân quyết định tạm dừng kỳ họp thứ nhất theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp hoặc Chủ tịch Hội đồng nhân dân để thực hiện công tác nhân sự bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Thời gian tạm dừng kỳ họp không quá 05 ngày làm việc. Việc giới thiệu nhân sự do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Trường hợp Hội đồng nhân dân không bầu đủ các chức danh còn lại của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thì người có thẩm quyền giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu chức danh này có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện các quy trình cần thiết về nhân sự đề trình Hội đồng nhân dân tiếp tục bầu chức danh đó ngay tại kỳ họp thứ nhất hoặc tại kỳ họp tiếp theo của Hội đồng nhân dân.

h) Việc phê chuẩn kết quả bầu được thực hiện như sau:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bầu xong, kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội để phê chuẩn; kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để phê chuẩn.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền phải xem xét, phê chuẩn; nếu phát hiện hồ sơ có sai sót hoặc chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt yêu cầu cơ quan trình bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc; trường hợp không phê chuẩn chức danh nào thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và yêu cầu Hội đồng nhân dân tổ chức bầu lại chức danh không được phê chuẩn.

- Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện theo quy định của Chính phủ.

6. Về tổ chức của các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Việc thành lập Ban Dân tộc:

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh khóa trước có trách nhiệm rà soát, đối chiếu tình hình, đặc điểm của địa phương với các tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nếu thấy địa phương đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định thành lập Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân.

Việc xem xét, quyết định thành lập Ban Dân tộc được thực hiện sau khi kết thúc việc bầu chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

b) Việc quyết định số lượng và phê chuẩn Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân:

- Số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân. Ban của Hội đồng nhân dân có số lượng Ủy viên tối thiểu đối với mỗi cấp như sau: cấp tỉnh là 05 Ủy viên, cấp xã là 03 Ủy viên. Số lượng nêu trên không bao gồm chức danh Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban các Ban.

- Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân lập danh sách cụ thể Phó Trưởng Ban, Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách (đối với Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nếu có), Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm của Ban mình để trình Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết phê chuẩn.

- Việc lập và phê chuẩn danh sách Phó Trưởng Ban, Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân dựa trên sự phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm, vị trí công tác của mỗi đại biểu, yêu cầu về số lượng, cơ cấu của từng Ban và nguyện vọng của từng đại biểu Hội đồng nhân dân.

c) Việc thành lập Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân:

Các đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

Căn cứ đặc điểm, yêu cầu, tình hình thực tế của địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã ban hành Nghị quyết về thành lập Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó.

d) Số lượng, tên gọi, phạm vi lĩnh vực phụ trách của các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo quy định của Luật Thủ đô và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

7. Công tác thư ký kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân

a) Công tác thư ký kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân gồm các nội dung cụ thể như sau:

- Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

- Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

- Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại các phiên họp của kỳ họp;

- Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp, đăng tải nghị quyết của Hội đồng nhân dân trên trang thông tin điện tử của địa phương;

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

b) Trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thư ký được quy định như sau:

Công tác thư ký kỳ họp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã do cơ quan giúp việc Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc bộ phận được Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp phân công tổ chức thực hiện.

Vị trí bàn làm việc của thư ký kỳ họp được đặt ở vị trí thuận lợi, phù hợp để thực hiện nhiệm vụ.

8. Về việc báo cáo kết quả kỳ họp

a) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ kỳ họp Hội đồng nhân dân và gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội (qua Ủy ban Công tác đại biểu) và Chính phủ (qua Bộ Nội vụ) để báo cáo.

b) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ kỳ họp Hội đồng nhân dân và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo.

c) Tài liệu trong hồ sơ báo cáo kết quả kỳ họp (gồm các tài liệu phát hành tại kỳ họp, nghị quyết thông qua tại kỳ họp và biên bản kỳ họp) phải là văn bản chính thức, bảo đảm tính pháp lý, toàn vẹn. Đối với tài liệu không mật, ưu tiên gửi qua hệ thống điện tử liên thông (nếu có) và không cần gửi bản giấy; trường hợp không có hệ thống điện tử liên thông thì gửi 01 bộ hồ sơ bản giấy theo quy định tại điểm a, b của mục này. Đối với tài liệu mật, yêu cầu gửi 01 bộ hồ sơ bản giấy theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

9. Các mẫu phiếu, nghị quyết, hồ sơ nhân sự trong việc bầu, phê chuẩn các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân được thực hiện theo Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.

*

* *

Trên đây là Hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố kịp thời báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ để thống nhất chỉ đạo, hướng dẫn./.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Chủ tịch Quốc hội;
- Các Phó Chủ tịch Quốc hội;
- Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- UBTWMTTQ Việt Nam;
- Tổng Thư ký QH - Chủ nhiệm VPQH;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- VP Chính phủ, Bộ Nội vụ;
- Thường trực HĐND các tỉnh, TP (để t/hiện);
- Lưu: HC, CTĐB.

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh

PHỤ LỤC

**MẪU PHIẾU BẦU, PHÊ CHUẨN, NGHỊ QUYẾT PHÊ CHUẨN
CÁC CHỨC DANH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13 tháng 3 năm 2026
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Mẫu số 01/UBTVQH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
(tên của tỉnh/ thành phố/ xã/
phường/ đặc khu)
KHÓA ...
Kỳ họp ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(đóng dấu treo của HĐND)

PHIẾU BẦU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN KHÓA

(Nhiệm kỳ)

STT	Họ và tên	Tán thành	Không tán thành
1.			
2.			
...			

Ghi chú:

- Đại biểu thể hiện chính kiến bằng cách đánh dấu (X) vào 1 trong 2 ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” đối với mỗi người.
- Không ghi thêm tên của người ngoài danh sách hoặc xóa tên của người trong danh sách.
- Tên người được bầu xếp theo thứ tự chữ cái A, B, C. Trường hợp nếu chỉ có một người được giới thiệu thì không cần cột số thứ tự.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
(tên của tỉnh/ thành phố/ xã/
phường/ đặc khu)
KHÓA ...
Kỳ họp ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(đóng dấu treo của HĐND)

PHIẾU BẦU

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN KHÓA

(Nhiệm kỳ)

STT	Họ và tên	Tán thành	Không tán thành
1.			
2.			
...			

Ghi chú:

- Đại biểu thể hiện chính kiến bằng cách đánh dấu (X) vào 1 trong 2 ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” đối với mỗi người.
- Không ghi thêm tên của người ngoài danh sách hoặc xóa tên của người trong danh sách.
- Tên người được bầu xếp theo thứ tự chữ cái A, B, C.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
(tên của tỉnh/ thành phố/ xã/
phường/ đặc khu)
KHÓA ...
Kỳ họp ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(đóng dấu treo của HĐND)

PHIẾU BẦU

TRƯỞNG BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN KHÓA.....

(Nhiệm kỳ)

STT	Họ và tên	Chức danh bầu	Tán thành	Không tán thành
1.				
2.				
...				

Ghi chú:

- Đại biểu thể hiện chính kiến bằng cách đánh dấu (X) vào 1 trong 2 ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” đối với mỗi người.
- Không ghi thêm tên của người ngoài danh sách hoặc xóa tên của người trong danh sách.
- Phần “Chức danh bầu” ghi cụ thể: *Ví dụ:* Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách; Trưởng Ban Pháp chế, Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội,...

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
(tên của tỉnh/ thành phố/ xã/
phường/ đặc khu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯỜNG TRỰC

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số: .../NQ-TT

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn số lượng và danh sách Phó Trưởng Ban,
Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách/
Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm
của Ban ... của Hội đồng nhân dân ..., nhiệm kỳ ...**

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Hướng dẫn số .../HD-UBTVQH15 ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội một số nội dung về việc tổ chức kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp;

Căn cứ ...;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban ... của Hội đồng nhân dân ...

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban ... (tên Ban) của Hội đồng nhân dân ... (tên của tỉnh/ thành phố/ xã/ phường/ đặc khu) có ... (số lượng) Phó Trưởng Ban; ... (số lượng) Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và ... (số lượng) Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

Điều 2. Phê chuẩn danh sách Phó Trưởng ban Ban ... của Hội đồng nhân dân ..., nhiệm kỳ ..., gồm:

1. Ông/Bà ..., đại biểu Hội đồng nhân dân ..., Phó Trưởng Ban;
2. ...

Điều 3. Phê chuẩn danh sách Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của Ban ... của Hội đồng nhân dân ..., nhiệm kỳ ..., gồm:

1. Ông/Bà ..., đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách;
2. ...

Điều 4. Phê chuẩn danh sách Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm của Ban ... của Hội đồng nhân dân ..., nhiệm kỳ ..., gồm:

1. Ông/Bà ..., đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm;
2. ...

Điều 5. Trưởng ban Ban ... của Hội đồng nhân dân ..., nhiệm kỳ ..., Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân ..., các cơ quan, tổ chức có liên quan và các ông, bà có tên tại các Điều 2, 3, 4 theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 6. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Ban Thường vụ;
- Ban Tổ chức;
- Thường trực HĐND;
- Đoàn ĐBQH;
- UBND;
- Đại biểu HĐND;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND;
- ...
- Lưu:

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**

.....

Ghi chú:

- Các nội dung liên quan đến phê chuẩn danh sách Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của các Ban của Hội đồng nhân dân chỉ áp dụng đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
(tên của tỉnh/ thành phố/ xã/
phường/ đặc khu)
KHÓA ...
Kỳ họp ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(đóng dấu treo của HĐND)

PHIẾU BẦU

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Nhiệm kỳ)

STT	Họ và tên	Tán thành	Không tán thành
1.			
2.			
...			

Ghi chú:

- Đại biểu thể hiện chính kiến bằng cách đánh dấu (X) vào 1 trong 2 ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” đối với mỗi người.
- Không ghi thêm tên của người ngoài danh sách hoặc xóa tên của người trong danh sách.
- Tên người được bầu xếp theo thứ tự chữ cái A, B, C. Trường hợp nếu chỉ có một người được giới thiệu thì không cần cột số thứ tự.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
(tên của tỉnh/ thành phố/ xã/
phường/ đặc khu)
KHÓA ...
Kỳ họp ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(đóng dấu treo của HĐND)

PHIẾU BẦU

PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Nhiệm kỳ)

STT	Họ và tên	Tán thành	Không tán thành
1.			
2.			
...			

Ghi chú:

- Đại biểu thể hiện chính kiến bằng cách đánh dấu (X) vào 1 trong 2 ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” đối với mỗi người.
- Không ghi thêm tên của người ngoài danh sách hoặc xóa tên của người trong danh sách.
- Tên người được bầu xếp theo thứ tự chữ cái A, B, C.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
(tên của tỉnh/ thành phố/ xã/
phường/ đặc khu)
KHÓA ...
Kỳ họp ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(đóng dấu treo của HĐND)

PHIẾU BẦU

ỦY VIÊN ỦY BAN NHÂN DÂN

(Nhiệm kỳ)

STT	Họ và tên	Dự kiến giữ chức vụ sau khi được bầu	Tán thành	Không tán thành
1.				
2.				
...				

Ghi chú:

- Đại biểu thể hiện chính kiến bằng cách đánh dấu (X) vào 1 trong 2 ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” đối với mỗi người.
- Không ghi thêm tên của người ngoài danh sách hoặc xóa tên của người trong danh sách.
- Tên người được bầu xếp theo thứ tự chữ cái A, B, C.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
(tên của tỉnh/ thành phố)
KHÓA ...
Kỳ họp ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(đóng dấu treo của HĐND)

PHIẾU BẦU

HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ/
 HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC

(Nhiệm kỳ)

STT	Họ và tên	Tán thành	Không tán thành
1.			
2.			

Ghi chú:

- Phiếu bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân cấp tỉnh riêng; Phiếu bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân từng khu vực riêng.
- Đại biểu thể hiện chính kiến bằng cách đánh dấu (X) vào 1 trong 2 ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” đối với mỗi người.
- Không ghi thêm tên của người ngoài danh sách hoặc xóa tên của người trong danh sách.
- Tên người được bầu xếp theo thứ tự chữ cái A, B, C.

HỒ SƠ NHÂN SỰ NGƯỜI ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN BẦU

1. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu 2C/TCTW) do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận, đóng dấu theo quy định;
2. Lý lịch trích ngang nhân sự, gồm các thông tin cơ bản như Họ và tên; ngày tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; trình độ đào tạo (chuyên môn, tin học, tiếng Anh), trình độ lý luận, chức vụ hiện đang đảm nhiệm;
3. Bản sao các văn bằng chứng chỉ về trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, v.v... (Bằng tốt nghiệp Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ ở nước ngoài phải có xác nhận của Cục khảo thí và kiểm định chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo);
4. Bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân (ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị) của những người được đề nghị phê chuẩn;
5. Nhận xét, đánh giá đảng viên của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ (có thời hạn 6 tháng);
6. Nhận xét, đánh giá của Chi bộ, đảng ủy cơ quan nơi công tác (có thời hạn 6 tháng);
7. Nhận xét đánh giá của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ trong 3 năm gần nhất;
8. Nhận xét đánh giá và Kết luận của Cấp ủy đảng theo phân cấp quản lý cán bộ về tiêu chuẩn chính trị, trong đó có báo cáo về thân nhân đang học tập, lao động, sinh sống ở nước ngoài và quan hệ với nước ngoài theo quy định số 367-QĐ/TW ngày 04/9/2025 của Bộ Chính trị;
9. Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân của nhân sự được bầu;
10. Quyết định luân chuyển, điều động đối với nhân sự được bầu (nếu có).